

Minh Long, ngày tháng 3 năm 2024

BÁO CÁO

**V/v thực hiện Bộ chỉ số đánh giá kết quả bảo vệ môi trường năm 2023
trên địa bàn huyện Minh Long**

Thực hiện Công văn số 927/STNMT-MT ngày 26/02/2024 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh về việc thực hiện Bộ chỉ số đánh giá kết quả bảo vệ môi trường của tỉnh Quảng Ngãi năm 2023;

Ủy ban nhân dân huyện tổ chức thu thập, tổng hợp, tự đánh giá các chỉ số nhóm I Bộ chỉ số bảo vệ môi trường năm 2023 trên địa bàn huyện Minh Long theo hướng dẫn của Bộ Tài nguyên và Môi trường tại Công văn số 674/BTNMT-MT ngày 30/01/2023 (Chi tiết có Phụ lục đính kèm).

Kính đề nghị Sở Tài nguyên và Môi trường theo dõi, tổng hợp./.

Nơi nhận:

- Sở TN - MT;
- CT, PCT UBND huyện;
- VP: C, PCVP huyện;
- Lưu: VT.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Đinh Thị Xuân Hương

PHỤ LỤC
BẢNG TỔNG HỢP KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN
CÁC CHỈ SỐ NHÓM I BỘ CHỈ SỐ NĂM 2023 HUYỆN MINH LONG
(Kèm theo Công văn số /UBND-KTTH ngày / /2024 của UBND huyện Minh Long)

TT	Chỉ số thành phần	Đơn vị tính	Kết quả tự đánh giá	Ghi chú
1	Chỉ số 01: Tỷ lệ nước thải đô thị được xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường	%	-	Địa phương không có hệ thống xử lý nước thải tập trung,
2	Chỉ số 02: Tỷ lệ cơ sở sản xuất, kinh doanh phát sinh nước thải từ 50 m ³ /ngày (24 giờ) trở lên có hệ thống xử lý nước thải đảm bảo quy chuẩn kỹ thuật môi trường	%	100	Địa phương có 01 cơ sở sản xuất, kinh doanh phát sinh nước thải từ 50 m ³ /ngày (24 giờ) trở lên (<i>Trang trai nuôi heo công nghiệp sạch Phú Hiệp</i>)
3	Chỉ số 03: Tỷ lệ khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường	%	-	Địa phương không có khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao
4	Chỉ số 04: Tỷ lệ cụm công nghiệp có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường	%	-	Trên địa bàn huyện không có cụm công nghiệp
5	Chỉ số 05: Tỷ lệ bệnh viện, trung tâm y tế có công trình, thiết bị, hệ thống xử lý nước thải đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường	%	100	Trên địa bàn huyện hiện có 01 Trung tâm y tế huyện có hệ thống xử lý nước thải
6	Chỉ số 06: Tỷ lệ cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng	-	-	Không thuộc phạm vi đánh giá năm 2022

	được xử lý triệt để			
7	Chỉ số 07: Số lượng phương tiện giao thông công cộng trên 10.000 dân đô thị	Số phương tiện/10.000 người	-	
8	Chỉ số 08: Số lượng sự cố môi trường do chất thải (vụ)	-	-	Không thuộc phạm vi đánh giá năm 2022
9	- Chỉ số 09: Tỷ lệ chất thải nguy hại được xử lý đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường	%	80	Hiện nay chất thải nguy hại tại các cơ sở sản xuất, kinh doanh, được thu gom, xử lý theo quy định; ngoài ra chất thải nguy hại phát sinh từ các nguồn khác chưa được thu gom, xử lý
10	Chỉ số 10: Tỷ lệ các cơ quan nhà nước, đảng, tổ chức chính trị - xã hội, đơn vị sự nghiệp công lập cấp tỉnh, cấp huyện; các siêu thị, khu du lịch đã có quy định, cam kết, kế hoạch triển khai về chống rác thải nhựa	-	-	
11	Chỉ số 11: Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được phân loại tại nguồn	%	20	Các hộ gia đình tự phân loại các loại chất thải vô cơ để bán phế liệu
12	Chỉ số 12: Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được xử lý đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường	%	-	Tỷ lệ thu gom Tại khu vực nông thôn đạt 87,4%, khu vực đô thị đạt 95%
13	Chỉ số 13: Tỷ lệ bãi chôn lấp chất thải rắn sinh hoạt hợp vệ sinh	%	-	Trên địa bàn huyện chưa có bãi chôn lấp rác thải hợp vệ sinh theo quy định
14	Chỉ số 14: Tỷ lệ số khu vực đất bị ô	%	-	Trên địa bàn huyện không có

	nhiệm tồn lưu được xử lý, cải tạo			khv vực đất bị ô nhiễm tồn lưu phải xử lý, cải tạo
15	Chỉ số 15: Tỷ lệ dân số đô thị được cung cấp nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung	%	0	Trên địa bàn xã Long Hiệp không có hệ thống cấp nước sạch tập trung
16	Chỉ số 16: Tỷ lệ dân số nông thôn được sử dụng nguồn nước hợp vệ sinh	%	80	
17	Chỉ số 17: Tỷ lệ hộ gia đình nông thôn có hố xí hợp vệ sinh	%	91,54	
18	Chỉ số 18: Tỷ lệ diện tích đất của các khu bảo tồn thiên nhiên đã được thành lập trên tổng diện tích đất quy hoạch cho bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học	%	-	
19	Chỉ số 19: Tỷ lệ diện tích rừng trồng mới tập trung trên diện tích đất quy hoạch cho lâm nghiệp	%	0,0006-	
20	Chỉ số 20: Diện tích rừng tự nhiên bị cháy, chặt phá	ha	-	
21	Chỉ số 21: Sản lượng điện sản xuất từ năng lượng tái tạo	kw	-	
22	Chỉ số 22: Số trạm quan trắc tự động chất lượng môi trường không khí tại các đô thị loại IV trở lên trên 10.000 dân đô thị	Trạm/10.000 người	0	
23	Chỉ số 23: Tỷ lệ các khu công nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh, dịch vụ lắp đặt			Địa phương không có khu công nghiệp, cơ sở sản xuất kinh

	hệ thống quan trắc nước thải, khí thải tự động, liên tục, truyền số liệu trực tiếp cho Sở Tài nguyên và Môi trường địa phương theo quy định của pháp luật			doanh, dịch vụ thuộc đối tượng lắp đặt hệ thống quan trắc nước thải, khí thải tự động, liên tục, truyền số liệu trực tiếp cho Sở Tài nguyên và Môi trường
24	Chỉ số 24: Tỷ lệ chi ngân sách cho hoạt động sự nghiệp bảo vệ môi trường	%	0,005	
25	Chỉ số 25: Số lượng công chức, cán bộ thực hiện nhiệm vụ bảo vệ môi trường trên 1 triệu dân	Người	7	Trên địa bàn huyện có 7 công chức/19.000 dân
26	Chỉ số 26: Tỷ lệ xử lý thông tin phản ánh, kiến nghị về ô nhiễm môi trường thông qua đường dây nóng đã được xử lý	%	-	